TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

2026.11.26 10:50:25+07'00'

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2682/CBTT-VSF	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã chứng khoán: VSF

Địa chỉ trụ sở chính: 333 đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên hệ: (028).38370026 Fax: (028).38365898

E-mail: vanphong@vsfc.com.vn Website: www.vinafood2.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Hiển – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người Đại diện theo pháp luật Tổng công ty.

Loại thông tin công bố:

☑ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Nghị quyết về việc Đại hội đồng cổ đông bất thường (lần 2) năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: https://vinafood2.com.vn/profile/quan-he-co-dong, mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, VP.	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** M.S.D.N: 0300613198-C TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH **Nguyễn Văn Hiển**

TỔNG CÔNG TY **LƯƠNG THỰC MIỀN NAM** **CÔNG TY CỔ PHẦN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/NQ-VSF-ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các văn bản sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần số 03/BB-VSF-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Ngày 25 tháng 11 năm 2026, tại Trụ sở chính Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty): số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Tổng công ty được tổ chức với sự tham gia của 08 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 498.536.914 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,71% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

Sau khi nghe trình bày các tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần Tổng công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.536.914 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2. Thông qua bổ sung tiền lương kế hoạch của thành viên Hội đồng quản trị năm 2026

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.536.914 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3. Thông qua Định hướng phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần giai đoạn 2026-2030

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.536.914 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 4. Thông qua điều chỉnh, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh, và sửa đổi điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.536.914 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần thông qua toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN

Nguyễn Huy Hưng

Nơi nhận:
- Cổ đông VINAFOOD II;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGĐ;
- Lưu: VT, VP.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/BB-VSF-ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2026 TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

- **Tên công ty** : Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần
- **Trụ sở chính** : 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
- **Điện thoại** : (028) 3837 0026 Fax: (028) 3836 5898
- **Mã số doanh nghiệp** : **0300613198** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 08 tháng 06 năm 2026.
- **Thời gian họp** : 09 giờ 00 phút ngày 25 tháng 11 năm 2026
- **Địa điểm họp** : 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh.

PHẦN 1: GIỚI THIỆU KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

Người báo cáo: Ông Nguyễn Tài Đại - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu.

Nội dung báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng **30/10/2026**, sở hữu **500.000.000** cổ phần có quyền biểu quyết (CPBQ) của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty).

- Cổ đông tham dự Đại hội: 08 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 498.536.914 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,71% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 của Tổng công ty đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Giới thiệu chủ tọa

Ông Nguyễn Huy Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT)

Đại hội biểu quyết 100 % nhất trí thông qua.

3. Chủ tọa cử Thư ký Đại hội

- Bà Trần Thị Đoàn Thu

4. Chủ tọa giới thiệu để Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu, bao gồm:

- Ông Nguyễn Tài Đại Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Sỹ Chuân Thành viên

Đại hội biểu quyết 100 % nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

5. Ông Nguyễn Huy Hưng - Chủ tọa cuộc họp thông qua Chương trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2026

Đại hội biểu quyết 100 % nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

6. Ông Trần Ngọc Chính thay mặt chủ tọa thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội

Đại hội biểu quyết 100 % nhất trí thông qua Quy chế làm việc ĐHĐCD bất thường năm 2026.

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY TỜ TRÌNH

1 **Nội dung 01:** Tờ trình số 06/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần

Người trình bày: Ông Nguyễn Tài Đại –Trưởng Ban Quản lý và Phát triển dự án, Phụ trách Ban Pháp chế, Thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Nội dung 02: Tờ trình số 07/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc bổ sung tiền lương kế hoạch của thành viên Hội đồng quản trị năm 2026

Người trình bày: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Tổ chức - Thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Nội dung 03: Tờ trình số 08/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc thông qua Định hướng phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần giai đoạn 2026-2030.

Người trình bày: Ông Nguyễn Vương Quốc – Kế toán trưởng, Thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Nội dung 04: Tờ trình số 09/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điều chỉnh, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh, sửa đổi điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Người trình bày: Ông Nguyễn Tài Đại – Trưởng Ban Quản lý và Phát triển dự án, Phụ trách Ban Pháp chế, Thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

PHẦN 3: THẢO LUẬN

Cổ đông dự họp có yêu cầu làm rõ một số thông tin liên quan đến tình hình xử lý công nợ tồn đọng và các cơ sở nhà đất của Tổng công ty. Chủ tọa cuộc họp đã giải thích các vấn đề trên và nhận được sự thống nhất của cổ đông dự họp.

PHẦN 4: CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín nội dung sau:

Số lượng Đại biểu tham dự: 08

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 14

Đại diện cho: 498.536.914 cổ phần có quyền biểu quyết

Chiếm: 99,71% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Nội dung 01. Thông qua Tờ trình số 06/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

➢ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 08 - Số cổ phần: 498.536.914 - Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Nội dung 02: Tờ trình số 07/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc bổ sung tiền lương kế hoạch của thành viên Hội đồng quản trị năm 2026

➢ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 08 - Số cổ phần: 498.536.914 - Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Nội dung 03: Tờ trình số 08/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc thông qua Định hướng phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần giai đoạn 2026-2030.

➢ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 08 - Số cổ phần: 498.536.914 - Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Nội dung 04: Tờ trình số 09/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc điều chỉnh, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh, sửa đổi điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

➢ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 08 - Số cổ phần: 498.536.914 - Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 04 đã được thông qua.

PHẦN 5: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Bà Trần Thị Đoàn Thu - Thư ký, đọc Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần với 100% số phiếu tán thành

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Đại hội kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI	CHỦ TỌA
Trần Thị Đoàn Thu	Nguyễn Huy Hưng

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 06 /TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các văn bản sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Văn bản số 17562/BTC-DNNN ngày 02/11/2026 của Bộ Tài chính về nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).

Nhằm sửa đổi, điều chỉnh Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty (sửa đổi, bổ sung).

Nội dung dự thảo Quy chế đã được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN

Nguyễn Huy Hưng

TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Kèm theo Tờ trình số 06/TTr-LTMN-HĐQT ngày 25 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam)

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-VSF-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II.
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công .

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty là 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty, trừ chức danh Tổng giám đốc để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

4. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Tổng công ty;

g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp phải bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị khi chưa hết nhiệm kỳ theo quy định của pháp luật thì Hội đồng quản trị phải thực hiện bầu thay thế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu

một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Vi phạm quy định của pháp luật đến mức bị truy tố;

b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp

Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

b. Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c. Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d. Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

e. Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

f. Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên.

g. Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Tổng công ty; Quyết định danh mục các dự án đầu tư của Tổng công ty;

c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

f. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;

g. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h. Quyết định phương án đầu tư, mua, bán, thanh lý tài sản và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành của Tổng công ty, các chức danh quản lý của các tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

l. Cử người đại diện vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện vốn của Tổng công ty tham gia hoặc ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

n. Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, tăng hoặc giảm hoặc chuyển nhượng vốn điều lệ công ty con do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ; Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc các công ty này;

o. Quyết định các trường hợp đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, tăng hoặc giảm vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác;

p. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị phụ thuộc, văn phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty, các Tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị;

q. Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

s. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

t. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

u. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

v. Thông qua việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền;

w. Phê duyệt việc vay nợ, cho vay, cho thuê tài sản và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty; Xử lý tài chính các khoản nợ của Tổng công ty có giá trị từ trên 5 tỷ đến dưới 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

x. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

y. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

z. Phê duyệt các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

aa. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ Tổng công ty;

b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

e. Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết

định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 3 Điều 55 Điều lệ Tổng công ty, Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;

b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ Tổng công ty.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày (mười lăm) kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hoặc các cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị để thực hiện công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc hoặc các cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV.
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Ký Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham dự có lý do chính đáng.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên dự họp tán thành.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video, tele-conference) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

13. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

a. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổ thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến (theo mẫu đi kèm tại phụ lục 1) và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử (email). Tổ thư ký Hội đồng quản trị cần lưu bằng chứng xác nhận đã gửi hồ sơ lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng quản trị.

c. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty; vấn đề lấy ý kiến; thời hạn lấy ý kiến.

d. Tổ thư ký Hội đồng quản trị tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết ý kiến bằng văn bản, email hoặc điện thoại đối với vấn đề được nêu trong văn bản hoặc email. Tổ thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị gửi bằng văn bản hoặc email để lập biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị.

e. Phiếu ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời (có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị), biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết/Quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại bộ phận Văn thư Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V.
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;

d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao và thưởng. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

CHƯƠNG VI.
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng

và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần bao gồm 7 (bảy) chương, 23 (hai mươi ba) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2026.

2. Trường hợp có những quy định trong Quy chế này chưa phù hợp và /hoặc trái với Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật hiện hành, thì sẽ được hiểu, áp dụng theo Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định trước khi ký ban hành.

Phụ lục 1: Mẫu phiếu lấy ý kiến

TỔNG CÔNG TY **LƯƠNG THỰC MIỀN NAM** **CÔNG TY CỔ PHẦN** Số: .../20.../PLYK-HĐQT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày .....tháng ..... năm 20....*

PHIẾU LẤY Ý KIẾN BIỂU QUYẾT HĐQT
BẰNG VĂN BẢN
(V/v: .....)

Kính gửi: Các Thành viên HĐQT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);

Chủ tịch Hội đồng quản trị đề nghị các thành viên Hội đồng quản trị cho ý kiến về nội dung sau:

Nội dung: Phê chuẩn.....(Chi tiết theo Tài liệu đính kèm)

Ý kiến của Thành viên hội đồng quản trị:

[ ]	[ ]	[ ]
Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến

Ý kiến bổ sung *(Kèm theo phụ lục ý kiến chi tiết nếu có):*

.....

.....

Đề nghị Thành viên HĐQT cho ý kiến vào phiếu này và gửi về:

Tổ Thư ký HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Email: .....

Thời điểm: trước ..... giờ 00 ngày ...../...../....

Trân trọng./.

....., ngày .... tháng .... năm... **THÀNH VIÊN HĐQT** (Ký và ghi rõ họ tên)	**CHỦ TỊCH HĐQT**

Ghi chú:

Ý kiến bổ sung (nếu có) của Thành viên HĐQT có thể được trình bày ngắn gọn ở mục "Ý kiến bổ sung" hoặc trình bày bằng văn bản (Phụ lục 2).

Phụ lục 2: Phụ lục chi tiết ý kiến bổ sung

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC PHIẾU Ý KIẾN

Về nội dung Văn bản.....(kèm theo Phiếu lấy ý kiến)

I. NHẬN XÉT CHUNG

.....

.....

.....

.....

II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ:

STT	Khoản, mục	Nội dung văn bản	Nhận xét	Đề nghị

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 1
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị . 4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .. 6
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 6
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 6
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. 10
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 10
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 13
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 14
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành 15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 16
Điều 23. Hiệu lực thi hành 16

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 07 /TTr-LTMN-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

TỜ TRÌNH
V/v bổ sung tiền lương kế hoạch của Thành viên Hội đồng năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Văn bản số 5258/BTC-DNNN ngày 24/4/2026 của Bộ Tài chính về việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 17562/BTC-DNNN ngày 02/11/2026 của Bộ Tài chính về việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2026/VSF-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung tiền lương kế hoạch cho (01) một Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách năm 2026 như sau:

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, tổng số tiền lương kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên chuyên trách được thông qua là **4.392,00 triệu đồng/04 người** và tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2026 đã thông qua việc bầu bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028. Do đó, cần bổ sung tiền lương kế hoạch năm 2026 tương ứng với chức danh Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách được bầu bổ sung là **736,40 triệu đồng**.

Tổng số tiền lương kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên chuyên trách là **5.128,40 triệu đồng/05 người**.

Trên cơ sở tổng tiền lương kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng công ty xác định mức lương phù hợp và thực hiện tạm ứng tiền lương hàng tháng cho Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong phạm vi kế hoạch, đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ gắn với nguyên tắc được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

Căn cứ kết quả sản xuất, kinh doanh cuối năm và các quy định có liên quan, Tổng công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quỹ tiền lương và tổng mức thù lao thực hiện để quyết toán, chi trả cho các chức danh theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300[illegible]198-C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Huy Hưng

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 08 /TTr-LTMN-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

TỜ TRÌNH
V/v thông qua Định hướng phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/6/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Văn bản số 11074/BTC-DNNN ngày 27/07/2026 của Bộ Tài chính về Định hướng phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Văn bản số 14135/BTC-DNNN ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính về Kế hoạch 5 năm cơ cấu lại vốn của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP đầu tư tại doanh nghiệp khác giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Văn bản số 17562/BTC-DNNN ngày 01/11/2026 của Bộ Tài chính về nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Định hướng phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần giai đoạn 2026-2030, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trên nền tảng công nghệ hiện đại, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, làm tốt vai trò dẫn dắt nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước.

2. Sắp xếp, chuyển đổi, cơ cấu lại các đơn vị chi nhánh phụ thuộc, đặc biệt là các đơn vị không đạt hiệu quả; tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh lương thực, nông sản và các sản phẩm giá trị gia tăng từ lương thực. Công tác thoái vốn tại doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty phải bảo đảm thực chất, hiệu quả, khả thi,

công khai, minh bạch, đúng pháp luật, trên cơ sở đánh giá, xác định đầy đủ các nguồn lực vốn, đất đai, thương hiệu.

3. Phát triển Tổng công ty trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu, có thương hiệu tốt trong lĩnh vực lương thực, thực phẩm, với hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế; tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, trao quyền chủ động hơn cho các đơn vị phụ thuộc gắn với giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm soát quyền lực, cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật, không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Nhiệm vụ chung

- Xác định vị thế của Tổng công ty là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về sản xuất, chế biến và kinh doanh lúa gạo, giữ vai trò nòng cốt trong ngành lương thực, thực phẩm; đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và ổn định thị trường trong nước.

- Phát huy vai trò là đầu mối hợp tác với các tập đoàn, đối tác quốc tế nhằm khai thác hiệu quả nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến; nâng cao năng lực sản xuất, chế biến và kinh doanh lúa gạo, nông sản của Việt Nam; nâng cao giá trị thương mại và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm gạo và sản phẩm sau gạo theo hướng đa sở hữu nhằm thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trên nền tảng công nghệ hiện đại, đổi mới sáng tạo và quản trị theo chuẩn mực quốc tế; quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước; phát huy vai trò dẫn dắt trong ngành lương thực, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.

- Tiếp tục khai thác, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; tăng cường phát triển khách hàng, mở rộng thị trường tiềm năng; chuyển dịch cơ cấu chủng loại gạo theo nhu cầu thị trường theo hướng nâng cao chất lượng, tăng tỷ trọng gạo chất lượng cao, gạo thương hiệu và các sản phẩm chế biến sâu; giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

- Phát huy hiệu quả hệ thống kho tàng, bến bãi đã được Tổng công ty đầu tư theo Chương trình phát triển hệ thống kho dự trữ 1 triệu tấn kho; tiếp tục nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống kho, cảng và logistics nhằm nâng cao năng lực thu mua, dự trữ, bảo quản và điều tiết thị trường, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính; rà soát, sắp xếp lại các đơn vị, dự án đầu tư; từng bước thoái vốn tại các lĩnh vực hoạt động không hiệu quả hoặc không thuộc ngành nghề cốt lõi; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản và năng lực quản trị của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa dây chuyền chế biến, ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất và kinh doanh; phát triển các sản phẩm chế biến sâu sau gạo nhằm nâng cao giá trị gia tăng, giảm phụ thuộc ngành hàng chính và nâng cao hiệu quả hoạt động bền vững.

- Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, phù hợp với chủ trương, định hướng của Nhà nước; thực hiện quản trị doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng tiêu chí quản lý vốn của nhà nước.

- Tổng công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến để đưa VINAFOOD II trở thành một doanh nghiệp phát triển, mạnh toàn diện trong lĩnh vực kinh doanh chính.

2. Nhiệm vụ cụ thể các chỉ tiêu chính về doanh thu, sản lượng và lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ và hợp nhất

STT	Diễn giải	Đvt	Kế hoạch					
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	5 năm 2026-2030
A	**Tổ hợp công ty mẹ - con**							
1	Tổng sản lượng	Tấn	1.525.600	1.678.160	1.845.976	1.915.000	1.985.000	8.949.736
2	Doanh thu	Tr đồng	16.020.000	16.211.073	16.872.467	17.594.968	18.387.849	85.086.357
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	106.241	112.950	119.737	129.660	139.180	607.768
B	**Công ty mẹ**							
1	Tổng sản lượng	Tấn	821.000	903.100	994.000	1.030.000	1.070.000	4.818.100
2	Doanh thu	Tr đồng	9.150.000	9.580.000	9.990.000	10.430.000	10.930.000	50.080.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	7.000	10.000	15.000	23.000	30.000	85.000

3. Công tác đầu tư phát triển của Công ty mẹ

Năm 2026 là 92,530 tỷ đồng; năm 2027 là 112,8 tỷ đồng; năm 2028 là 124,080 tỷ đồng; năm 2029 là 136,488 tỷ đồng; năm 2030 là 150,137 tỷ đồng; bình quân giai đoạn 2026-2030 là 123,207 tỷ đồng/năm. Tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ - Tổng công ty không có nguồn dự kiến từ quỹ đầu tư phát triển (do lợi nhuận 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 chưa bù đắp được số lỗ lũy kế và đủ điều kiện để trích Quỹ đầu tư phát triển theo quy định).

4. Sắp xếp đối với các công ty chi nhánh phụ thuộc Tổng công ty

Đối với các công ty chi nhánh phụ thuộc, Tổng công ty thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại các chi nhánh để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, theo đó, từ 14 chi nhánh còn lại 8 chi nhánh sau sắp xếp, cụ thể:

STT	Đơn vị	Đề án 2026 - 2030
1	Công ty Bột mì Bình Đông	Giữ nguyên chi nhánh phụ thuộc
2	Công ty Lương Thực Long An	Giữ nguyên chi nhánh phụ thuộc
3	Công ty Lương Thực Tiền Giang	Giữ nguyên chi nhánh phụ thuộc
4	Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt	Giữ nguyên chi nhánh phụ thuộc

STT	Đơn vị	Đề án 2026 - 2030
5	Công ty Lương Thực Sông Hậu	Giữ nguyên chi nhánh phụ thuộc
6	Công ty Lương Thực Đồng Tháp	Giữ nguyên chi nhánh phụ thuộc
7	Công ty Lương Thực Trà Vinh	Giữ nguyên chi nhánh phụ thuộc
8	Công ty Lương Thực Thực Phẩm An Giang	Giữ nguyên chi nhánh phụ thuộc
9	Công ty Lương thực Sóc Trăng	Sáp nhập nguyên trạng vào Công ty Lương thực Sông Hậu
10	Công ty Lương thực Bạc Liêu	
11	Công ty Lương thực Vĩnh Long	Sáp nhập nguyên trạng vào Công ty Lương thực Trà Vinh
12	Công ty Lương thực Bến Tre	
13	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	
14	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	Sáp nhập nguyên trạng vào Công ty Lương thực Tiền Giang

5. Cơ cấu lại vốn của Công ty mẹ - Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác

a) Giữ nguyên phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại 06 công ty cổ phần chi phối và 02 công ty cổ phần không chi phối, gồm:

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2026 (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2026	Ghi chú
I- Các công ty có vốn góp chi phối của Tổng công ty:				
1	Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	120.466	51,30%	
2	Công ty cổ phần Lương thực Bình Định	40.000	51,00%	
3	Công ty cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm	107.778	60,00%	
4	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	254.300	83,31%	
5	Công ty cổ phần Sài Gòn Lương thực	57.615	51,00%	
6	Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	255.138	59,78%	
II - Các công ty có vốn góp không chi phối của Tổng công ty:				
7	Công ty cổ phần Bến Thành - Mũi Né	142.160	17,81%	
8	Công ty cổ phần LTTP Colusa-Miliket	48.000	30,72%	

(Cơ sở đề xuất giữ nguyên phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác: chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

b) Thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty đầu tư tại 12 doanh nghiệp khác, gồm:

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2026 (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn của Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2026	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất	Tỷ lệ vốn của Tổng công ty sau khi thoái vốn	Dự kiến năm hoàn thành
1	Công ty cổ phần Bao Bì Tiền Giang	11.900	60,00%	100%	0%	2026-2030
2	Công ty cổ phần Tô Châu	100.000	65,40%	100%	0%	2026-2030
3	Công ty cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	64.046	66,27%	100%	0%	2026-2030
4	Công ty cổ phần LTTP Vĩnh Long	119.600	40,00%	100%	0%	2026-2030
5	Công ty cổ phần Hoàn Mỹ	50.000	30,00%	100%	0%	2026-2030
6	Khu nuôi cá Khém - Long Trị	10.812	86,16%	100%	0%	2026-2030
7	Tổng Công ty cổ phần ĐT và XNK Foodinco	223.877	12,27%	100%	0%	2026-2030
8	Công ty cổ phần Bột mì Bình An	120.000	19,92%	100%	0%	2026-2030
9	Công ty cổ phần Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	13.122	15,87%	100%	0%	2026-2030
10	Công ty cổ phần Bao bì Bình Tây	38.850	11,18%	100%	0%	2026-2030
11	Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm Cambodia - Việt Nam	155.021	37,00%		0%	2026-2030
12	Cty CP XNK NSTP An Giang	350.000	4,80%	100%	0%	2026-2030

(Cơ sở đề xuất thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác: chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

c) Giải thể/phá sản 02 doanh nghiệp:

1	Công ty cổ phần XNK NSTP Cà Mau	66.000	62,05%	100%	0%	2026-2030
2	Công ty cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	10.000	51,00%		0%	2026-2030

(Cơ sở đề xuất giải thể, phá sản các doanh nghiệp: chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

6. Xử lý dứt điểm 07 dự án tồn đọng

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị, Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương tại Thông báo số 160-TB/UBKTTW ngày 22/8/2026, Tổng công ty tập trung nguồn lực, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan rà soát, xử lý dứt điểm 07 dự án, cơ sở nhà đất tồn đọng, gồm: (1) Dự án Kho lương thực Khánh Hưng; (2) Dự án Nhà máy Chế biến thức ăn thủy sản Vàm Trà Vinh; (3) Dự án Nhà máy chế biến thủy sản Cầu Quan; (4) Dự án tại số 561 Kinh Dương Vương, TP.HCM; (5) Cơ sở nhà, đất tại số 400 Nguyễn Duy, TP.HCM; (6) Cơ sở nhà, đất tại số 161 Trần Huy Liệu, TP.HCM; (7) Khu đất 3.102 m² tại ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

III. Giải pháp thực hiện Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030; phân công thực hiện

Nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030, Tổng công ty triển khai đồng bộ nhóm giải pháp trọng tâm của các công tác gồm: (1) quản trị doanh nghiệp; (2) công tác kinh doanh, phát triển thị trường, sản phẩm; (3) nguồn vốn, tài chính; (4) tổ chức, nhân sự; (5) đầu tư phát triển; (6) chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; (7) chuỗi cung ứng sản xuất; (8) Công tác quản lý các cơ sở nhà đất; (9) giải pháp về hợp tác quốc tế; (10) giải pháp về nâng cao vai trò lãnh đạo, giám sát của tổ chức đảng *(cụ thể từng nhóm giải pháp, phân công thực hiện: chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Định hướng phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần giai đoạn 2026-2030./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300617... TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Huy Hưng

Phụ lục

Tóm tắt cơ sở đề xuất cơ cấu lại vốn của Công ty mẹ - Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; giải pháp, phân công nhiệm vụ thực hiện Định hướng của Tổng công ty giai đoạn 2026-2030

(Đính kèm Tờ trình số 08./TTr-LTMN-HĐQT ngày 25/11/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty)

1. Cơ sở đề xuất cơ cấu lại vốn của Công ty mẹ - Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác

Tổng công ty có đầu tư góp vốn tại 11 công ty cổ phần chi phối và 11 công ty cổ phần không chi phối, kế hoạch cơ cấu vốn đối với các công ty này nằm trong định hướng phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 và đã được Bộ Tài chính có ý kiến tại Văn bản 11074/BTC-DNNN ngày 27/7/2026.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ mới ban hành, mục b2 khoản 2 Điều 7 quy định *"Việc xác định tỷ lệ nắm giữ vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Quyết định này"*

Theo đó Khoản 3 Điều 6 Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg hướng dẫn như sau:

"3. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xem xét, quyết định tỷ lệ nắm giữ hoặc không nắm giữ vốn của doanh nghiệp ... theo một trong các nguyên tắc sau:

a) Phục vụ trực tiếp ngành, lĩnh vực kinh doanh hoặc trong chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Hoạt động kinh doanh hiệu quả, có vai trò quan trọng hoặc cần thiết cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong mô hình công ty mẹ - công ty con."

Hội đồng quản trị phân tích giữ nguyên phần vốn nhà nước hoặc thoái vốn/tái cơ cấu các công ty cổ phần, công ty TNHH cụ thể:

a) Cơ sở đề xuất giữ nguyên phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại 6 công ty cổ phần chi phối và 02 công ty cổ phần không chi phối:

TT	Doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở Công ty mẹ tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần
1	Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	120.466	51,30%	- Ngành nghề kinh doanh chính sản xuất các sản phẩm gia tăng từ gạo, bột mì; có liên quan phục vụ trực tiếp chiến lược phát triển và nâng cao giá trị gia tăng cho ngành hàng lúa gạo của Tổng công ty; - Đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị và chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty; - Doanh nghiệp duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, có lợi nhuận, đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn cho Công ty mẹ.

TT	Doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở Công ty mẹ tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần
2	Công ty cổ phần Lương thực Bình Định	40.000	51,00%	- Ngành nghề kinh doanh chính thuộc ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty: lương thực, là lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế; đáp ứng tiêu chí nắm giữ vốn để bảo đảm an ninh lương thực; - Đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị và chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty; - Doanh nghiệp duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, có lợi nhuận, đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn cho Công ty mẹ.
3	Công ty cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm	107.778	60,00%	- Ngành nghề kinh doanh chính thuộc ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty: lương thực, là lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế; đáp ứng tiêu chí nắm giữ vốn để bảo đảm an ninh lương thực; - Đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị và chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty; - Đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị và chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty.
4	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	254.300	83,31%	- Ngành nghề kinh doanh chính thuộc ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty: lương thực, là lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế; đáp ứng tiêu chí nắm giữ vốn để bảo đảm an ninh lương thực; - Đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị và chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty; - Doanh nghiệp duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, có lợi nhuận, đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn cho Công ty mẹ.
5	Công ty cổ phần Sài Gòn Lương thực	57.615	51,00%	- Công ty đang quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất có vị trí đắc địa, có giá trị thương hiệu, cần tiếp tục đánh giá kỹ lưỡng về tiềm năng phát triển, khai thác hiệu quả đất đai; - Việc duy trì cổ phần nắm giữ là cần thiết để xử lý các tồn tại tài chính, hoàn thiện hồ sơ pháp lý đất đai, từ đó tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp trước khi thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại, đảm bảo việc cơ cấu lại được thực hiện đúng quy định pháp luật và đem lại lợi ích cao nhất cho Tổng công ty.

TT	Doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở Công ty mẹ tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần
				- Cần tiếp tục đánh giá kỹ lưỡng về tiềm năng phát triển, khai thác hiệu quả đất đai của những doanh nghiệp này để thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại tại thời điểm thích hợp, theo đúng quy định của pháp luật (theo văn bản số 11074/BTC-DNNN ngày 27/7/2026 của Bộ Tài chính).
6	Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	255.138	59,78%	- Công ty đang quản lý số lượng lớn cơ sở nhà đất tại các vị trí đắc địa, có giá trị thương hiệu, lợi thế kinh doanh, cần tiếp tục đánh giá kỹ lưỡng về tiềm năng phát triển, khai thác hiệu quả đất đai. - Việc duy trì cổ phần nắm giữ là cần thiết để hoàn thiện hồ sơ pháp lý nhà đất, từ đó tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp trước khi thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại, đảm bảo việc cơ cấu lại được thực hiện đúng quy định pháp luật và đem lại lợi ích cao nhất cho Tổng công ty. - Cần tiếp tục đánh giá kỹ lưỡng về tiềm năng phát triển, khai thác hiệu quả đất đai của những doanh nghiệp này để thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại tại thời điểm thích hợp, theo đúng quy định của pháp luật (theo văn bản số 11074/BTC-DNNN ngày 27/7/2026 của Bộ Tài chính).
7	Công ty cổ phần Bến Thành - Mũi Né	142.160	17,81%	- Kết quả hoạt động kinh doanh chuyển biến tích cực, bắt đầu có lãi; - Công ty đang quản lý và sử dụng diện tích đất lớn (105.000 m2) tại vị trí đắc địa gắn với khu du lịch Siva - Mũi Né, đáp ứng tiêu chí về giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển ngành du lịch – dịch vụ tại địa phương. - Mặc dù ngành kinh doanh dịch vụ lưu trú không thuộc danh mục Nhà nước cần nắm giữ vốn chi phối, nhưng căn cứ vào hiệu quả hiện tại và lợi thế đất đai, việc duy trì cổ phần nắm giữ trong giai đoạn này là cần thiết, nhằm bảo đảm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty, chờ thời điểm thích hợp thoái vốn đạt hiệu quả tối ưu. - Căn cứ hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 6 Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ, đây là doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu

TT	Doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở Công ty mẹ tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần
				quả trong hai năm trở lại đây, có tiềm năng phát triển rất lớn trong tương lai, hoạt động kinh doanh chuyển biến tích cực. Do đó, việc duy trì vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp này là cần thiết ở thời điểm hiện tại.
8	Công ty cổ phần LTTP Colusa-Miliket	48.000	30,72%	- Công ty hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm chế biến, trong đó có sản xuất và kinh doanh sản phẩm sau gạo, có liên quan phục vụ trực tiếp chiến lược phát triển và nâng cao giá trị gia tăng cho ngành hàng lúa gạo của Tổng công ty. - Công ty sở hữu nhãn hiệu Colusa-Miliket có bề dày lịch sử và uy tín quốc gia, đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp có giá trị thương hiệu, giá trị lịch sử và vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của ngành. - Doanh nghiệp duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, có kết quả sản xuất kinh doanh hiệu quả cao, tỷ suất lợi nhuận tốt và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cổ tức; đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn cho Công ty mẹ, cần tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty đang nắm giữ (theo văn bản số 11074/BTC-DNNN ngày 27/7/2026 của Bộ Tài chính).

b) Cơ sở đề xuất thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác:

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở thoái vốn
I.	**Các công ty có vốn góp chi phối của Tổng công ty**			
1	Công ty cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	64.046	66,27%	- Ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn gạo, lúa mỳ, ngũ cốc. Tuy nhiên, doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, thực trạng tài chính khó khăn, máy móc thiết bị lạc hậu không thể phục vụ chiến lược sản xuất kinh doanh cốt lõi. - Việc thoái toàn bộ vốn là giải pháp để bảo toàn tối đa phần vốn còn lại, thu hồi vốn đầu tư và tập trung nguồn lực vào những nơi kinh doanh có lãi hơn.

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở thoái vốn
2	Công ty cổ phần Bao Bì Tiền Giang	11.900	60,00%	- Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì, không thuộc ngành, lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty; là ngành nghề không thuộc danh mục Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối hoặc tiếp tục duy trì vốn. - Công ty hoạt động kinh doanh không hiệu quả, máy móc thiết bị lạc hậu, không đồng bộ và xuống cấp, sản phẩm sản xuất ra khó cạnh tranh trên thị trường. - Việc thoái toàn bộ vốn góp là giải pháp để bảo toàn tối đa phần vốn còn lại, thu hẹp đầu tư ngoài ngành, thu hồi vốn đầu tư và tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty.
3	Công ty cổ phần Tô Châu	100.000	65,40%	- Công ty hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thủy sản, không thuộc ngành, lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty, không thuộc danh mục Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối hoặc tiếp tục duy trì vốn. - Công ty hoạt động kinh doanh không hiệu quả, thực trạng tài chính khó khăn, máy móc thiết bị lạc hậu, xuống cấp, sản phẩm sản xuất ra khó cạnh tranh trên thị trường. - Việc thoái toàn bộ vốn góp là cấp thiết để bảo toàn tối đa phần vốn còn lại, thu hẹp đầu tư ngoài ngành, thu hồi vốn đầu tư và tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty.
II.	**Các công ty có vốn góp không chi phối của Tổng công ty**			
4	Công ty cổ phần LTTP Vĩnh Long	119.600	40,00%	- Ngành nghề kinh doanh chính: mua bán và xuất khẩu gạo. Tuy nhiên, công ty hoạt động kinh doanh cực kỳ kém hiệu quả, thực trạn tài chính khó khăn, mất khả năng tự cân đối dòng vốn. Các tài sản đất đai đang thuộc diện bị phát mãi thi hành án để xử lý nợ quá hạn, không còn tiềm năng khai thác hiệu quả.

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở thoái vốn
				- Tỷ lệ nắm giữ của Tổng công ty tại doanh nghiệp không có quyền chi phối và không đủ quyền quyết định/phủ quyết tại ĐHĐCĐ/HĐQT theo Luật Doanh nghiệp. - Việc thoái toàn bộ vốn góp (hoặc chủ động thực hiện thủ tục giải thể, phá sản nếu thoái vốn không thành công) là giải pháp để cắt lỗ dứt điểm, thu hồi giá trị còn lại, tập trung nguồn lực vào những nơi kinh doanh có lãi hơn.
5	Công ty cổ phần Hoàn Mỹ	50.000	30,00%	- Ngành nghề kinh doanh: mua bán và xuất khẩu gạo, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ khách sạn. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh không hiệu quả, thực trạng tài chính khó khăn, mất khả năng tự cân đối dòng vốn. - Tỷ lệ nắm giữ của Tổng công ty tại doanh nghiệp không có quyền chi phối và không đủ quyền quyết định/phủ quyết tại ĐHĐCĐ/HĐQT theo Luật Doanh nghiệp. - Việc thoái toàn bộ vốn góp là giải pháp để cắt lỗ dứt điểm, thu hồi giá trị còn lại, tập trung nguồn lực vào những nơi kinh doanh có lãi hơn.
6	Khu nuôi cá Khém - Long Trị			- Dự án nuôi cá nước ngọt chưa hoàn thành, đã ngừng thi công từ năm 2012 và đối tác mất khả năng tài chính không thể tiếp tục triển khai. - Ngành nghề nuôi trồng thủy sản không thuộc ngành chính, dự án hàng năm vẫn phải nộp tiền thuê đất. Chuyển nhượng phần góp vốn là giải pháp thu hồi vốn đầu tư, thu hẹp đầu tư ngoài ngành, tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty.
7	Tổng Công ty cổ phần ĐT và XNK Foodinco	223.877	12,27%	- Ngành nghề kinh doanh phân bón, bất động sản, không thuộc ngành, lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty. - Tỷ lệ nắm giữ của Tổng công ty tại doanh nghiệp không có quyền chi phối và không đủ quyền quyết

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở thoái vốn
				định/phủ quyết tại ĐHĐCĐ/HĐQT theo Luật Doanh nghiệp. - Không còn vai trò quan trọng trong định hướng phát triển của Tổng công ty, việc thoái toàn bộ vốn góp là giải pháp để bảo toàn tối đa phần vốn còn lại, thu hồi vốn đầu tư, tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty.
8	Công ty cổ phần Bột mì Bình An	120.000	19,92%	- Sản xuất kinh doanh bột mì, lúa mì và các sản phẩm từ nguyên liệu lúa mì, bột mì. Công ty hoạt động không hiệu quả, thực trạng tài chính khó khăn, máy móc thiết bị lạc hậu không thể phục vụ chiến lược sản xuất kinh doanh cốt lõi. - Tỷ lệ nắm giữ của Tổng công ty tại doanh nghiệp không có quyền chi phối và không đủ quyền quyết định/phủ quyết tại ĐHĐCĐ/HĐQT theo Luật Doanh nghiệp. - Không còn vai trò quan trọng trong định hướng phát triển của Tổng công ty, việc thoái toàn bộ vốn góp là giải pháp để thu hồi dòng vốn phục vụ hoạt động cốt lõi của Tổng công ty.
9	Công ty cổ phần Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	13.122	15,87%	- Ngành nghề kinh doanh: Xay xát, sản xuất bột thô và sản xuất bao bì, không thuộc ngành nghề chính của Tổng công ty. Công ty hoạt động kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ nhiền năm. - Tỷ lệ nắm giữ của Tổng công ty tại doanh nghiệp không có quyền chi phối và không đủ quyền quyết định/phủ quyết tại ĐHĐCĐ/HĐQT theo Luật Doanh nghiệp. - Việc thoái toàn bộ vốn góp là giải pháp để bảo toàn tối đa phần vốn còn lại, thu hồi vốn đầu tư và tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty.

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở thoái vốn
10	Công ty cổ phần Bao bì Bình Tây	38.850	11,18%	- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất bao bì, không thuộc ngành nghề chính của Tổng công ty. Công ty hoạt động kinh doanh không hiệu quả, máy móc thiết bị lạc hậu, không đồng bộ và xuống cấp, sản phẩm sản xuất ra khó cạnh tranh trên thị trường. - Tỷ lệ nắm giữ của Tổng công ty tại doanh nghiệp không có quyền chi phối và không đủ quyền quyết định/phủ quyết tại ĐHĐCĐ/HĐQT theo Luật Doanh nghiệp. - Việc thoái toàn bộ vốn góp là giải pháp để bảo toàn tối đa phần vốn còn lại, thu hồi vốn đầu tư và tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty.
11	Cty CP XNK NSTP An Giang	350.000	4,80%	- Doanh nghiệp hoạt động đa ngành: mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi, sản xuất sản phẩm chăn nuôi, mua bán thịt gia súc gia cầm, …, không thuộc ngành nghề chính của Tổng công ty; - Tổng công ty đã thoái vốn phần lớn trong năm 2022 (giảm tỷ lệ từ 20,52% xuống 4,80%). Phần vốn còn lại rất nhỏ, không còn quyền chi phối hay phủ quyết. - Thoái nốt 4,80% còn lại để dứt điểm rút vốn ngoài ngành, thu hồi vốn đầu tư và tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty.
12	Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm Cambodia - Việt Nam	155.021	37,00%	- Công ty có vốn nước ngoài đã ngừng hoạt động lâu năm, mất toàn bộ vốn chủ sở hữu. - Tổng công ty thực hiện sắp xếp (Tái cơ cấu tài chính, thoái vốn hoặc phá sản/giải thể) để xử lý dứt điểm pháp nhân thua lỗ ở nước ngoài theo đúng quy định pháp luật hai nước. Trường hợp không tái cấu trúc được sẽ báo cáo chủ sở hữu xem xét thủ tục giải thể hoặc phá sản theo quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị, điều hành; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực và bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

- Phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có năng lực; hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, đánh giá và sử dụng cán bộ; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích đổi mới sáng tạo, đồng thời phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng và các đoàn thể trong thực hiện mục tiêu phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2026–2030.

2.2. Về công tác kinh doanh; phát triển thị trường, sản phẩm

- Nâng cao năng lực dự báo, phân tích và theo dõi sát diễn biến thị trường, đặc biệt các yếu tố địa chính trị ảnh hưởng đến thị trường gạo; chủ động xây dựng kịch bản kinh doanh, phương án thu mua, tạm trữ và ứng phó linh hoạt nhằm bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Củng cố thị trường truyền thống, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và mở rộng thị trường tiềm năng; tăng cường hoạt động thương mại trong toàn hệ thống, mở rộng nguồn hàng, chuẩn bị đầy đủ điều kiện tham gia đấu thầu cung cấp gạo dự trữ quốc gia và các chương trình an ninh lương thực.

- Phát triển cơ cấu sản phẩm theo hướng chất lượng cao, gia tăng giá trị, đẩy mạnh các sản phẩm chế biến sau gạo; tăng cường truyền thông, marketing và quảng bá thương hiệu VINAFOOD II nhằm mở rộng thị trường, nâng cao doanh thu và hiệu quả kinh doanh.

2.3. Về nguồn vốn, tài chính

- Tăng cường quản lý tài chính, cơ cấu lại các khoản đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn vốn; duy trì và mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng, bảo đảm nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, duy trì hạn mức tín dụng từ 7.000 tỷ đồng trở lên; đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, kiểm soát chi phí, cân đối dòng tiền và xây dựng kế hoạch trả nợ phù hợp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các đơn vị, bảo đảm an toàn, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý để tháo gỡ vướng mắc về cơ chế tài chính, chính sách thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4. Về tổ chức, nhân sự

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phát triển nguồn nhân lực gắn với Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026–2030, thường xuyên rà soát, đánh giá và bố trí, sử dụng lao động phù hợp.

- Đẩy mạnh tuyển dụng, thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ cán bộ kế cận; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản trị, chuyên môn, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và nâng cao tay nghề cho người lao động đáp ứng yêu cầu phát triển.

2.5. Về công tác đầu tư phát triển

c) Cơ sở đề xuất giải thể, phá sản 02 doanh nghiệp:

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ sở giải thể/phá sản
1	Công ty cổ phần XNK NSTP Cà Mau	66.000	62,05%	- Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến, kinh doanh thủy hải sản và thương mại nông sản thực phẩm, không thuộc ngành, lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty, không thuộc danh mục Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối hoặc tiếp tục duy trì vốn. - Doanh nghiệp đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều năm, thực trạng tài chính khó khăn, toàn bộ nhà kho, máy móc thiết bị cũ hỏng, xuống cấp và đang bị ngân hàng chuyển sang cơ quan Thi hành án để phát mãi nhằm thu hồi nợ. - Việc thoái toàn bộ vốn góp (hoặc chủ động thực hiện thủ tục giải thể, phá sản nếu thoái vốn không thành công) là giải pháp để cắt lỗ dứt điểm, thu hẹp đầu tư ngoài ngành, tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi của Tổng công ty.
2	Công ty cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	10.000	51,00%	- Đơn vị không còn hoạt động, kinh doanh thua lỗ và gặp khó khăn tài chính nghiêm trọng. Đã có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi ngày 14/02/2025 theo đề nghị của Cục thuế tỉnh. - Việc giải thể/phá sản nhằm xử lý dứt điểm pháp nhân theo đúng quy định pháp luật.

2. Giải pháp thực hiện Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030

Nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030, Tổng công ty triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trọng tâm, cụ thể như sau:

2.1. Về quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình và hệ thống quản trị theo hướng tinh gọn, minh bạch, hiệu quả; rà soát, hoàn thiện quy chế, quy trình sản xuất kinh doanh và cơ chế phân cấp quản lý, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; đồng thời sắp xếp, kiện toàn tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động.

các thị trường tiềm năng và thị trường ngách.

- Tăng cường tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm quốc tế để quảng bá thương hiệu và sản phẩm của Tổng công ty; đồng thời chủ động cập nhật chính sách thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường.

2.10. Giải pháp về nâng cao vai trò lãnh đạo, giám sát của tổ chức đảng

- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tập trung lãnh đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tổng công ty lần thứ IV và Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026–2030 gắn với chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm Quy định số 48-QĐ/TW và Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên, người lao động trong triển khai Đề án cơ cấu lại và các nhiệm vụ phát triển của Tổng công ty.

3. Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện

a) Về thực hiện các chỉ tiêu:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết và phân công nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung của Định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước và thẩm quyền, phù hợp với thực tế và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan, đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty.

- Phối hợp với Ban Điều hành tăng cường công tác phân công, phân cấp gắn với kiểm tra, giám sát; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cắt giảm những khoản chi phí không thực sự cần thiết trong hoạt động sản xuất kinh doanh; dự báo các yếu tố khách quan, bất khả kháng để chủ động có các biện pháp ứng phó phù hợp, trên cơ sở đó đảm bảo hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026 và giai đoạn 2026 - 2030, bám sát chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026; Kết luận 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Trung ương và Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng hai con số. Quá trình triển khai thực hiện, đối với những nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để được hướng dẫn, xem xét và xử lý theo quy định.

- Tập trung nâng cao hiệu quả và vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy, tổ chức đảng tại doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực tại doanh nghiệp; thực hiện chính sách, pháp luật về thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; thực hiện đồng bộ các giải pháp sắp xếp, kiện toàn tổ chức đảng, đảng viên đúng quy định; lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoàn thiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, quan tâm đến chế độ, chính sách cho người lao động.

- Rà soát, điều chuyển và khai thác hiệu quả máy móc, thiết bị giữa các đơn vị, ưu tiên tận dụng tài sản hiện có nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp dây chuyền sản xuất theo hướng hiện đại; ưu tiên các hạng mục trọng điểm phục vụ sản xuất gạo chất lượng cao, đồng thời đầu tư thiết bị phát triển các sản phẩm chế biến sau gạo, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

- Tận dụng cơ sở vật chất hiện có để chuyển đổi công năng, phát triển các vùng sản xuất chế biến phù hợp; đồng thời nâng cấp cảng Trà Nóc, mở rộng dịch vụ logistics trở thành lĩnh vực kinh doanh quan trọng, góp phần phát triển bền vững Tổng công ty.

2.6. Công tác chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh; hoàn thiện các hệ thống phần mềm quản trị, giám sát sản xuất, quản lý kho và nhập - xuất hàng hóa, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, minh bạch hóa hoạt động và kiểm soát rủi ro.

- Triển khai Chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2026–2030, ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, phát triển truy xuất nguồn gốc và mã số vùng trồng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững chuỗi giá trị lúa gạo.

2.7. Về chuỗi cung ứng sản xuất

- Tăng cường quản lý, tối ưu hóa chuỗi cung ứng từ thu mua nguyên liệu, sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất, giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Từng bước đầu tư, hiện đại hóa máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất; phát triển vùng nguyên liệu ổn định gắn với hệ thống chế biến, tăng cường liên kết với nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nhằm bảo đảm nguồn cung bền vững, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

2.8. Công tác quản lý các cơ sở nhà đất

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, phương án sắp xếp và xử lý các cơ sở nhà, đất; phối hợp với các địa phương hoàn tất thủ tục về đất đai, đồng thời đẩy nhanh việc bàn giao các cơ sở đã có quyết định bàn giao theo quy định.

- Tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả quỹ nhà, đất hiện có; định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng để kịp thời sắp xếp, xử lý, tránh lãng phí tài sản; chỉ đạo người đại diện vốn tại các công ty cổ phần chi phối triển khai phương án quản lý, sắp xếp và xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật.

2.9. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Mở rộng và đa dạng hóa quan hệ hợp tác với các đối tác, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế trong lĩnh vực lương thực; chủ động tìm kiếm, thiết lập và củng cố quan hệ với các đối tác nước ngoài nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt tại

b) Về cơ cấu lại vốn của Công ty mẹ - Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác

- Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán, pháp luật về kế toán và quy định có liên quan trên cơ sở tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, phù hợp với các hình thức cơ cấu lại vốn quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ, quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm thực hiện đúng và hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ tại Định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030; đảm bảo công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty.

- Quá trình triển khai thực hiện kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn của Công ty mẹ - Tổng công ty tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn phải đảm bảo việc xây dựng, phê duyệt phương án cơ cấu lại có hiệu quả, khả thi, đúng quy định pháp luật; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của doanh nghiệp, dẫn tới thất thoát vốn, tài sản của Tổng công ty và của Nhà nước. Đồng thời, đảm bảo thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch các chính sách đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp bị tác động, không để phát sinh khiếu nại, khiếu kiện.

c) Về chế độ báo cáo

Hội đồng quản trị thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu của giai đoạn 05 năm 2026–2030 và bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược chung của Tổng công ty. Định kỳ, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng theo quy định về tình hình triển khai thực hiện:

- Tình hình thực hiện các nội dung Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030; hàng năm rà soát, đánh giá, cập nhật các chỉ tiêu chủ yếu trong Định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030 đã được phê duyệt, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng không thấp hơn mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Đảng, Chính phủ giao.

- Hạn chế, nguyên nhân của việc thực hiện hoặc thực hiện không tốt hoặc cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế (nếu có);

- Các giải pháp để giải quyết các khó khăn trong quá trình thực hiện./.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 09 /TTr-LTMN-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

TỜ TRÌNH
V/v điều chỉnh, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Hệ thống ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Lương thực miền Nam (Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/6/2026 của Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh);

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty);

Căn cứ Văn bản số 17562/BTC-DNNN ngày 02/11/2026 của Bộ Tài chính về việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua việc đăng ký điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể như sau:

1.1. Bổ sung 02 ngành, nghề kinh doanh:

- **1074:** Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự
- **7120:** Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

1.2. Điều chỉnh 01 ngành, nghề kinh doanh:

4773: Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)

2. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty triển khai thực hiện điều chỉnh Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (nội dung về ngành, nghề kinh doanh) và thực hiện các thủ tục bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN

Nguyễn Huy Hưng